



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I

Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc

Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099

Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT230526

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản Động vật
thủy sản
- Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: 24-25/5/2023

Ngày nhận mẫu: 26/5/2023

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: 26-29/5/2023

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp		
1.	Kỳ Ninh (Hói Lỗ)	NC Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thư (Ngọn Rào)	NC Kỳ Thư
3.	Cẩm Lộc (Bãi Rào)	Mương cấp Cẩm Lộc
4.	Thạch Hạ (Đồng ghè)	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Nc Đan Trường
6.	Thạch Châu	NC Thạch Châu
7.	Đình Bàn	Nước cấp Đình Bàn

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1.	N-NH ₄ ⁺	HD.H.01
2.	TSS	SMEWW 2540D:2017
3.	COD	SMEWW5220 C:2017
4.	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
5.	Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017



2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
NC Kỳ Ninh	31	8,0	4,5	35	31	107,4	0,268	1,92	0	29,67
NC Kỳ Thụ	31	7,8	4,0	40	10	107,4	0,071	4,32	0	20,67
Mương cấp Cẩm Lộc	31	8,5	4,0	40	18	90,0	0,178	3,28	0	37,00
Nước cấp Thạch Hạ	30	8,0	5,0	50	26	89,5	0,155	2,16	0	22,33
Nc Đan Trường	31	8,0	4,0	50	22	71,6	0,030	1,12	0	21,00
NC Thạch Châu	30	8,0	4,5	40	32	107,4	0,174	0,64	0	26,67
Nước cấp Đỉnh Bàn	32	8,3	3,5	40	18	107,4	0,175	4,56	0	15,33
Quy chuẩn tham chiếu	18-33^b	7-9^b	≥3,5^b	20-50^b	5-35^b	60-180^b	<0,3^c	<10^c	<0,05^b	<50^a

Ghi chú:

- **Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Dấu (*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (***):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc	Mật độ tảo (tế bào/lít)					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc
	Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
NC Kỳ Ninh	0	3.185	1.050	0	35	4.270	KPH
NC Kỳ Thư	0	101.818	80.000	0	0	181.818	KPH
Mương cấp Cẩm Lộc	0	13.600	0	0	0	13.600	KPH
Nước cấp Thạch Hạ	0	17.400	720	0	0	18.120	KPH
Nc Đan Trường	0	5.740	0	0	280	6.020	KPH
NC Thạch Châu	900	4.590	0	0	0	5.490	KPH
Nước cấp Đỉnh Bàn	0	1.560	16.250	0	0	17.810	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

3. NHẬN XÉT

- Các chỉ tiêu nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ kiềm, độ mặn, N-NH₄⁺, COD, TSS và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc nguồn cấp dao động từ 4.270 – 181.818 tế bào/lít. Trong đó, Nguồn cấp tại Kỳ Thư có mật độ cao nhất (181.818 tế bào/lít), kế đến là Thạch Hạ (18.120 tế bào/lít), Đỉnh Bàn (17.810 tế bào/lít), Cẩm Lộc (13.600 tb/l), Đan Trường (6.020 tế bào/lít), Thạch Châu (5.490 tế bào/lít). Nguồn cấp tại Kỳ Ninh có mật độ thấp nhất 4.270 tế bào/lít. Không phát hiện tảo độc tại tất cả 7 điểm nguồn cấp.

4. KHUYẾN CÁO

Các hộ nuôi cần thường xuyên theo dõi chất lượng nước nguồn cấp để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Thời tiết khu vực phía Bắc đang bước vào mùa nắng nóng, các cơ sở thực hiện một số biện pháp để bảo vệ tôm nuôi:

- Kiểm tra bờ, cống ao để tránh hiện tượng rò rỉ mất nước. Duy trì mực nước trong ao tối thiểu từ 1,2 – 1,8 m để ổn định nhiệt độ nước ao nuôi. Chuẩn bị nước sạch trong ao lắng/lọc để cung cấp hoặc thay thế một phần nước ao nuôi khi cần.

- Tăng cường quạt nước vào thời điểm từ 10 – 18 h để tránh sự phân tầng nhiệt, tăng cường oxy hòa tan ở tầng đáy. Quạt khí vào ban đêm từ 2 h đêm đến 4 h sáng để tránh thiếu oxy hòa tan trong nước.
- Cho tôm ăn vào sáng sớm và chiều mát. Giảm 30 – 40 % lượng thức ăn cho tôm vào những ngày nắng nóng trên 35 °C. Ngừng cho tôm ăn ở những thời điểm môi trường nước trên 39 – 40 °C. Kiểm tra lượng thức ăn dư thừa và xi phông đáy để loại bỏ nguồn chất hữu cơ.
- Bổ sung Vitamin C, khoáng vi lượng, men tiêu hóa trộn vào thức ăn cho tôm định kỳ 2 đợt/tháng, mỗi đợt cho ăn liên tục từ 5 – 7 ngày để tăng cường sức đề kháng, giúp tôm lột xác đồng loạt và nhanh cứng vỏ.
- Hạn chế đánh bắt, san thưa và vận chuyển tôm khi thời tiết nắng nóng, trong trường hợp cần thiết nên tiến hành vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Thường xuyên quan sát màu nước ao nuôi và tôm thông qua phản xạ, màu sắc, đường ruột, gan tụy và phân. Nếu có biểu hiện bất thường cần báo ngay cán bộ kỹ thuật phụ trách để có biện pháp xử lý kịp thời.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2023

Trưởng Phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Bình